TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2019/QĐST-DS	*Trần Đề, ngày 14 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2019/TLST- DS ngày 27 tháng 9 năm 2019;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần K.**

Địa chỉ trụ sở chính: Phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Tuấn A** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1990 – Chức vụ: Phó Phòng KHCN kiêm Phó Phòng KHDN Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh S. Địa chỉ: Phường 3, thành phố S, tỉnh S.

** Bị đơn:*

- Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1974.

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K là ông Nguyễn Hoàng N và bị đơn ông Lê Văn L (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T) thống nhất ông L và bà T còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần K:

* Theo hợp đồng tín dụng số 115/HĐTD/2100-6223 ngày 28/3/2017, còn nợ tính đến ngày 06/11/2019:

Vốn gốc: 400.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 99.347.025 đồng;

Lãi chậm trả (lãi trong hạn): 12.271.287 đồng;

Lãi quá hạn: 20.421.304 đồng;

Tổng cộng: 532.039.615 đồng.

Ông Lê Văn L cam kết vào ngày 30/11/2019 sẽ trả cho Ngân hàng hết số nợ 532.039.615 đồng (Trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, lãi trong hạn là 99.347.025 đồng, lãi chậm trả (lãi trong hạn) 12.271.287 đồng, lãi quá hạn 20.421.304 đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay tính từ ngày 07/11/2019 đến ngày thực trả tất nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Trường hợp ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị T không thực hiện đúng cam kết thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay. Cụ thể là:

- Quyền sử dụng đất số CG 680220, số vào sổ CS 01360 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 20/02/2017, diện tích 1.256 m^2, thửa đất số 615, tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn (100 m^2) và đất trồng cây lâu năm (1.156 m^2). Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S.

- Quyền sử dụng đất số CG 680221, số vào sổ CS 01358 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 17/01/2017, diện tích 14.810 m^2, thửa đất số 68, tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S.

* Địa điểm giao nhận tiền: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Kể từ ngày 07/11/2019 ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

* Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng. Bị đơn ông Lê Văn L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T đồng ý ông L và bà T tự nguyện chịu. Do Ngân hàng thương mại cổ phần K đã nộp chi phí này xong cho nên ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K 800.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Lê Văn L thỏa thuận:

Ông Lê Văn L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T đồng ý ông L và bà T chịu 12.640.793 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn thương mại cổ phần K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.100.265 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016 0005950 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV & THA);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng